

ÔN TẬP NGŨ VĂN 10 (TUẦN 17, 18)

BÀI PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG

Trương Hán Siêu

A. NHỮNG KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG CẦN NẮM VỮNG

1. Bài phú sông Bạch Đằng là dòng hoài niệm và suy ngẫm về chiến công lịch sử oanh liệt của người xưa. Bài phú đã tái hiện lại không khí chiến thắng hùng tráng của những trận đánh trên sông Bạch Đằng. Qua đó tác giả thể hiện tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào về một dân tộc có tinh thần ngoan cường, bất khuất, mưu lược, tài trí, đồng thời cũng thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp qua việc đề cao vai trò, vị trí của con người.

Bài phú sử dụng hình ảnh điển tích có chọn lọc, kết hợp trữ tình hoài cổ với tự sự tráng ca, thủ pháp liên ngâm, hình thức đối đáp tạo nên những nét đặc sắc về nghệ thuật. Đặc biệt là sự sáng tạo hình tượng nhân vật khách (đại diện cho hiện tại) và nhân vật các bô lão (chứng nhân lịch sử), đồng thời trong mỗi nhân vật đều có sự phân thân của cái tôi tác giả- một cái “tôi-tráng sĩ” có tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng ưu ái đối với lịch sử, với đất nước.

2. Rèn luyện kĩ năng đọc- hiểu một tác phẩm văn học trung đại viết theo lối phú cổ thể, kĩ năng phân tích những thủ pháp nghệ thuật có giá trị cao trong việc biểu hiện nội dung tư tưởng tác phẩm.

B. GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

I. Hướng dẫn học bài

Bài tập 1. Nêu vị trí của chiến thắng Bạch Đằng trong lịch sử và đề tài Bạch Đằng trong văn học. Nêu bố cục Bài phú sông Bạch Đằng và tìm hiểu một số từ khó, điển tích, điển cố.

Gợi ý

- Đọc kĩ tiêu dẫn để hiểu về con sông Bạch Đằng và những chiến công của cha ông. Đó là một nhánh sông Kinh Thầy đổ ra biển nằm giữa Quảng Ninh và Hải Phòng. Nơi đây, Ngô Quyền đã đánh tan quân xâm lược Nam Hán, bắt sống Hoàng Thao, năm 1288, nhà Trần tiêu diệt giặc Mông- Nguyên, bắt sống Ô Mã Nhi.

- Bạch Đằng giang là nguồn cảm hứng bất tận cho các tác giả viết nên những áng văn thơ tuyệt tác như Bạch Đằng giang của Trần Minh Tông; Bạch Đằng giang của Nguyễn Sưởng; Bạch đằng hải khẩu của Nguyễn Trãi; Hậu Bạch đằng giang phú của Nguyễn Mộng Tuân...

- Bố cục một bài phú thường có bốn đoạn: đoạn mở, đoạn giải thích, đoạn bình luận và đoạn kết. Bố cục Bài phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu cũng giống bố cục của một bài phú nói chung.

- *Đọc kỹ chú thích để hiểu nghĩa của những từ khó, các điển tích, điển cố như: Nguyên, Tương, Vũ Huyệt, Đầm Vân Mộng, Tử Trường, Hợp Phì, Xích Bích...*

Bài tập 2. Nhận xét về nhân vật "khách" trong đoạn 1? (Mục đích dạo chơi thiên nhiên, chiến địa của "khách"? Đặc điểm địa danh lấy trong điển cố Trung Quốc và đặc điểm địa danh của đất Việt có gì giống và khác nhau? Qua những địa danh ấy, "khách" là người có "tráng chí" (chí lớn), có tâm hồn như thế nào?).

Gợi ý

Đọc kỹ chú thích từ "khách", đọc kỹ đoạn văn bài phú, phân tích các hình ảnh liệt kê về không gian rộng lớn, thời gian liên hoàn và ngữ điệu trang trọng qua các từ "chừ" nhấn mạnh ngắt nhịp trong các câu từ "Giương buồm giong gió chơi vơi" đến "Tam Ngô, Bách Việt". Từ đó nhận xét về nhân vật "khách":

- "Khách" là người mang tính cách tráng sĩ phóng khoáng, mạnh mẽ đồng thời cũng là một "tao nhân mặc khách" ham thích du ngoạn, đi nhiều, biết rộng, làm bạn với gió trăng, qua nhiều miền sông bể.

- "Khách" tìm đến những địa danh lịch sử (đặc biệt là Bạch Đằng) để ngợi ca và suy ngẫm.

- Nhân vật "khách" tuy có tính chất công thức của thể phú song với ngòi bút tài hoa, Trương Hán Siêu đã thổi hồn vào thành một nhân vật sinh động. "Khách" chính là cái tôi tác giả - một con người mang tính cách tráng sĩ với tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng ưu ái đối với lịch sử đất nước.

- Cái tráng chí bốn phương của nhân vật "khách" (cũng là của tác giả) được gợi lên qua những địa danh. "Khách" đã "đi qua" hai loại địa danh, loại địa danh lấy trong điển cố Trung Quốc (Nguyên, Tương, Vũ Huyệt, Cửu Giang, Ngũ Hồ, Tam Ngô, Bách Việt...) và loại địa danh của đất Việt (Cửa Đại Than, bến Đông Triều, sông Bạch Đằng...). Loại địa danh thứ nhất thể hiện tráng chí bốn phương, loại địa danh thứ hai mang tính cụ thể, đương đại thể hiện tình yêu đất nước, tâm hồn ưu ái đối với cảnh trí non sông.

Bài tập 3. Cảm xúc của "khách" trước khung cảnh thiên nhiên sông Bạch Đằng là phấn khởi, tự hào hay buồn thương tiếc nuối? Hãy lí giải.

Gợi ý

Trước hình ảnh Bạch Đằng "Bát ngát sóng kinh muôn dặm", "thurót tha đuôi trĩ một màu" với "nước trời...", "phong cảnh ...", "bờ lau...", "bến lách..."... "Khách" có tâm trạng vui buồn lẫn lộn, vui vì tự hào trước lịch sử oai hùng của dân tộc nhưng buồn vì tiếc nuối xót thương những anh hùng đã khuất. Đây là một nỗi buồn cao đẹp đầy tính nhân văn. Giọng văn trở nên man mác, băng khuâng.

Bài tập 4. Nhận xét về nhân vật các bô lão và câu chuyện họ kể trong đoạn 2 (Vai trò của hình tượng các bô lão? Chiến tích trên sông Bạch Đằng đã được gợi lên như thế nào qua lời kể của họ? Thái độ, giọng điệu của họ trong khi kể chuyện?).

Gợi ý

- Nếu ở đoạn 1, nhân vật "khách" là cái tôi nhà văn thì đến đoạn 2 nhân vật các cô lão là hình ảnh của tập thể vừa đại diện cho nhân dân địa phương, vừa là chứng nhân của lịch sử đồng thời cũng có sự phân thân của tác giả. Nhà văn tạo ra nhân vật các cô lão nhằm tạo nên những nhân vật có tính lịch đại để có được sự đối đáp tự nhiên từ đó dựng lên những trận thủy chiến Bạch Đằng (qua lời kể của các cô lão)

- Các cô lão kể chuyện xưa với ngôn từ sống động, lời lẽ trang trọng gợi nên cảm hứng lịch sử với âm điệu hào hùng. Những kỷ tích trên sông được tái hiện qua cách liệt kê sự kiện trùng điệp, các hình ảnh đối nhau bồng bồng không khí chiến trận với thể giãng co quyết liệt. Đây là chiến trận từ thời Ngô Quyền đến Trần Hưng Đạo nhưng trọng tâm là chiến thắng "buổi trùng hưng"... với trận thủy chiến ác liệt, dòng sông nổi sóng ("Muôn đội thuyền bè tinh kỳ pháp phối"), khí thế "hùng hổ", "sáng chói", khói lửa mù trời, tiếng gươm khua, tiếng quân reo khiến "ánh nhật nguyệt chừ phải mờ/Bầu trời đất chừ sắp đổi". Trận đánh "kinh thiên động địa" được tái hiện bằng những nét vẽ phóng bút khoa trương rất thần tình. Âm thanh, màu sắc, trực cảm, tưởng tượng được tác giả vận dụng phối hợp góp phần tô đậm trang sử vàng chói lọi của dân tộc.

- Những hình ảnh điển tích được sử dụng một cách chọn lọc, phù hợp với sự thật lịch sử (Xích Bính, Hợp Phì, gieo roi...). Điều đó đã góp phần diễn tả tài đức của vua tôi nhà Trần và chiến thắng Bạch Đằng như một bài thơ tự sự đậm chất hùng ca.

- Kết thúc đoạn 1, tác giả viết: "Đến sông đây chừ hổ mặt/ Nhớ người xưa chừ lệ chan". Đây vẫn là lời các cô lão nhưng nghe trong đó có giọng của "khách" (tác giả). Niềm cảm hoài của các cô lão gặp niềm sùng sờ buồn tiếc của khách tạo nên sự cộng hưởng của cái tôi tác giả.

Bài tập 5. Phân tích đoạn 3 để thấy được ý nghĩa lời ca của các cô lão và lời ca nối tiếp của "khách".

Gợi ý

Đoạn 3 của bài phú chứa nhiều suy ngẫm có tính triết lý. Lời ca của các cô lão mang âm hưởng của dòng sông sử thi, dòng sông cuộc đời, tất cả cứ tha thiết chảy ngày đêm. Một chân lý vĩnh cửu cũng chảy mãi như dòng sông: bất nghĩa thì tiêu vong, anh hùng thì lưu danh thiên cổ. Lời nối tiếp của "khách" có ý nghĩa tổng kết, vừa ca ngợi công đức hai vị vua anh minh, vừa bày tỏ khát vọng hoà bình muôn thuở, yếu tố được nhấn mạnh, nêu cao là "Bởi đâu đất hiểm, cốt mình đức cao". Đó là tư tưởng nhân văn hết sức cao đẹp của dân tộc ta.

Bài tập 6. Phát biểu về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài phú.

Gợi ý

1. Giá trị nội dung: Bài phú sông Bạch Đằng thông qua việc tái hiện lại không khí chiến thắng hùng tráng của những trận đánh trên sông Bạch Đằng đã

thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc đồng thời cũng thể hiện tư tưởng nhân văn cao đẹp qua việc đề cao vai trò, vị trí con người của tác giả.

2. Giá trị nghệ thuật: Bài phú sử dụng nhiều hình ảnh, điển tích có chọn lọc, kết hợp trữ tình hoà lẫn với tự sự tráng ca, thủ pháp liên ngâm, hình thức đối đáp, đặc biệt là sự sáng tạo hình tượng nhân vật “khách” và nhân vật “các bô lão”, một nhân vật đại diện cho hiện tại và một nhân vật là chứng nhân lịch sử, đồng thời trong mỗi nhân vật đều có sự phân thân của cái tôi tác giả, một cái tôi tráng sĩ có tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng ưu ái đối với lịch sử, với đất nước.

Bài phú sông Bạch Đằng là đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong nền văn học Việt Nam thời trung đại.

II. Luyện tập

Bài tập 1. Học thuộc một số câu trong bài phú mà anh (chị) thích.

Gợi ý

Bài phú sông Bạch Đằng có nhiều câu hay, đoạn hay. Nên học thuộc cả bài hoặc thuộc một số câu tiêu biểu, làm tư liệu cần thiết cho các bài viết sắp tới.

Bài tập 2. Phân tích, so sánh lời ca của "khách" kết thúc Bài phú sông Bạch Đằng với bài thơ Sông Bạch Đằng của Nguyễn Sưởng (Xem bản dịch bài thơ trong SGK).

Gợi ý

- Cả hai đều thể hiện niềm tự hào về những chiến công trên sông Bạch Đằng của dân tộc ta.
- Cả hai đều khẳng định, đề cao vai trò vị trí của con người.

.....

NGUYỄN TRÃI

A. NHỮNG KIẾN THỨC CẦN NẮM VỮNG

1. Nguyễn Trãi là một vị anh hùng dân tộc, nhân vật toàn tài số một trong lịch sử phong kiến Việt Nam, đồng thời cũng là người chịu nổi oan khiên thảm khốc hiếm có trong lịch sử. Qua cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi cần thấy được ông là một nhân cách lớn, một nhà văn hoá lớn, nhà tư tưởng lớn. Nguyễn Trãi đã đóng góp nhiều mặt cho dân tộc: văn hoá, lịch sử, địa lý.... Đặc biệt, ông có những đóng góp lớn về văn học với ba mảng sáng tác chính: văn chính luận, thơ chữ Hán và thơ chữ Nôm.

2. Rèn luyện kỹ năng tìm hiểu về tác gia văn học lớn thuộc giai đoạn văn học trung đại, kỹ năng khái quát tài liệu, các sự kiện để đưa ra những nhận xét, đánh giá đúng đắn, sâu sắc.

B. GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

I. Hướng dẫn học bài

Bài tập 1. Vì sao có thể nói Nguyễn Trãi là một nhân vật lịch sử vĩ đại?

Gợi ý

HS dựa theo tiểu sử Nguyễn Trãi để trả lời:

- Nguyễn Trãi sống trong thời đại có nhiều biến động dữ dội: nhà Trần suy vi, Hồ Quý Ly lên thay, quân Minh xâm lược nước ta, cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh bị bắt đem về Trung Quốc cùng cha con Hồ Quý Ly và các triều thần. Nguyễn Trãi muốn làm tròn đạo hiếu nhưng theo lời cha dặn quay về "rửa nhục cho nước, trả thù cho cha". Cuộc đời Nguyễn Trãi là cuộc đời của một "traì thời loạn". Sự biến động dữ dội của lịch sử dẫn tới bi kịch mất nước nhưng từ trong bi kịch ấy, lòng yêu nước, chí căm thù, tinh thần quả cảm dám xả thân vì giang sơn xã tắc đã hun đúc những phẩm chất của một trang anh hùng.

- Nguyễn Trãi tìm đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, dâng Lê Lợi Bình Ngô sách và trở thành quân sư bên cạnh Lê Lợi, đưa cuộc khởi nghĩa đến ngày toàn thắng. Đây là thời kỳ bộc lộ rõ nhất thiên tài quân sự, chính trị, ngoại giao... ở Nguyễn Trãi.

- Bước sang thời kỳ hoà bình. Nguyễn Trãi chưa kịp thực hiện hoài bão xây dựng đất nước thái bình thịnh trị thì đời ông chuyển sang giai đoạn khó khăn, bi thảm: bị bọn lòng thần ghen ghét, bị vua nghi ngờ, bị bắt rồi không được trọng dụng, phải tìm về cuộc sống ẩn dật. Nguyễn Trãi tìm đến thiên nhiên nhưng tâm lòng trung quân, ái quốc vẫn "đem ngày cuộn cuộn nước triều đông".

- Vụ án Lệ Chi Viên khiến Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc. Đây là vụ án lớn nhất, oan khốc nhất trong lịch sử Việt Nam. Hơn 20 năm sau, vua Lê Thánh Tông minh oan cho Nguyễn Trãi ("Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo"), những trước tác của ông tuy bị cấm, bị đốt song vẫn tìm thấy gần như nguyên vẹn trong lòng dân.

Bài tập 2. Anh (chị) đã đọc những tác phẩm nào của Nguyễn Trãi? Hãy giới thiệu một vài tác phẩm tiêu biểu.

Gợi ý

Nguyễn Trãi có những đóng góp lớn cho nền văn hoá dân tộc. Sáng tác của ông thuộc nhiều lĩnh vực: văn học, lịch sử, địa lý, quân sự...; các thể loại gồm: văn chính luận, văn khoa học (chữ Hán), thơ (chữ Hán và chữ Nôm) v.v... Loại sáng tác nào của ông cũng có ý nghĩa khai mở cho đời sau. Về lịch sử, Nguyễn Trãi có Lam Sơn thực lục, về địa lý có Dư địa chí. Văn chính luận (chính trị, quân sự) có Quân trung từ mệnh tập; thơ chữ Hán có Ức Trai thi tập, thơ chữ Nôm có Quốc âm thi tập v.v... Thơ văn của Nguyễn Trãi mang tính mẫu mực cổ điển.

Bình Ngô đại cáo được Nguyễn Trãi thay Lê Lợi viết ngay sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh giành thắng lợi. Tác phẩm vừa có giá trị lịch sử vừa có giá trị văn chương to lớn được đánh giá như một bản tuyên ngôn độc lập của dân tộc, một "áng thiên cổ hùng văn".

Ức Trai thi tập là tập thơ chữ Hán điều luyện, tinh tứ, tao nhã của Nguyễn Trãi mà mỗi bài là một mảnh hồn củaỨc Trai tiên sinh.

Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi là tập thơ Nôm sớm nhất còn lại đến ngày nay, tập thơ thể hiện ý thức về tiếng nói dân tộc cũng là ý thức tự tôn dân tộc trên lĩnh vực văn hoá, văn học, đặc biệt Nguyễn Trãi đã sáng tạo những bài thất ngôn xen lục ngôn rất tài tình v. v ...

Thơ văn Nguyễn Trãi có những đặc điểm sau đây:

- Luôn xuất phát từ quan điểm tư tưởng “lấy dân làm gốc” (dân vi bản), tư tưởng đó hoà quyện với tinh thần yêu dân, yêu nước.

- Có ý thức xây dựng nhân cách con người mang tinh thần nhân văn cao đẹp (hiếu học, trọng đức, trọng tài, đem tài đức cống hiến cho dân, cho nước, cho đời).

- Triết lý giản dị mà sâu sắc, giàu trải nghiệm về cuộc đời, thể hiện nhân cách cứng cỏi, trong sáng, thích làm điều thiện, không tham danh lợi.

- Tình yêu thiên nhiên, coi thiên nhiên là bầu bạn.

- Tâm hồn tinh tứ, phong lưu, lãng mạn.

- Nguyễn Trãi là người đặt nền móng cho thơ ca tiếng Việt, vì những tác phẩm thơ ca bằng chữ Nôm của ông có vị trí khai mở cho nền thơ ca nước nhà. Thơ Nguyễn Trãi dùng nhiều hình ảnh đẹp mang tính dân tộc (bên cạnh những hình ảnh có tính ước lệ trong văn học Hán). Nguyễn Trãi đưa nhiều từ thuần Việt vào thơ, đặc biệt ca dao, tục ngữ, từ láy... Nguyễn Trãi sáng tạo thể thơ thất ngôn xen lục ngôn chưa từng có trước đó, coi như một thể đặc trưng của thơ tiếng Việt, phổ biến trong thế kỉ XV, XVI.

Bài tập 3. Phân tích vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi qua một số câu thơ mà anh (chị) cảm nhận sâu sắc nhất.

Gợi ý

Nguyễn Trãi không chỉ là một con người vĩ đại với những tư tưởng lớn lao, phi thường mà Nguyễn Trãi còn mang một tâm hồn nghệ sĩ rất đổi lãng mạn, thậm chí có lúc đa tình. Một số câu thơ, bài thơ tiêu biểu thể hiện điều đó như:

- Tình thư một bức phong còn kín

Gió nơi đâu guộng mở xem

(Cây chuối)

- Khách đến chim mừng hoa xẩy động

Chè tiên (nấu) nước ghín (gánh) nguyệt đeo về.

(Thuật hứng- 3)

- Láng giềng một áng mây nổi

Khách khứa hai ngàn núi xanh

Có thuở biếng thăm bạn cũ
Lòng thơ ngàn dặm nguyệt ba canh.

(Bảo kính cảnh giới- 42)

Bài tập 4. Nêu khái quát những giá trị cơ bản về nội dung và nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Trãi.

Gợi ý

1. Giá trị nội dung: Luôn xuất phát từ quan điểm tư tưởng “lấy dân làm gốc”, tư tưởng đó hoà quyện với tinh thần yêu dân, yêu nước lí tưởng nhân nghĩa đã trở thành cảm hứng chủ đạo xuyên suốt trong thơ văn Nguyễn Trãi. Cũng xuất phát từ tư tưởng này mà thơ văn Nguyễn Trãi mang tinh thần chiến đấu vì dân, vì nước, vì chính nghĩa.

- Thơ văn Nguyễn Trãi thể hiện rõ ý thức xây dựng nhân cách con người mang tinh thần nhân văn cao đẹp (hiếu học, trọng đức, trọng tài, đem tài đức cống hiến cho dân, cho nước, cho đời), đồng thời mang những triết lý giản dị mà sâu sắc, giàu trải nghiệm. Tình yêu thiên nhiên, tâm hồn tình tứ, phong lưu, lãng mạn cũng là một trong những nội dung đặc sắc của thơ văn Nguyễn Trãi.

2. Giá trị nghệ thuật: "Nguyễn Trãi là bông hoa đầu mùa tuyệt đẹp của thơ Nôm Việt Nam" (Lê Trí Viễn). Ông là người đặt nền móng cho thơ ca tiếng Việt. Thơ Nguyễn Trãi dùng nhiều từ ngữ, hình ảnh mang tính dân tộc. Nguyễn Trãi đã sáng tạo thể thơ thất ngôn xen lục ngôn và được coi như một thể đặc trưng của thơ tiếng Việt phổ biến trong thế kỉ XV, XVI.

II. Luyện tập

Ở Nguyễn Trãi có sự kết hợp hài hoà giữa người anh hùng vĩ đại và con người đời thường. Anh (chị) hãy phân tích một số nội dung thơ văn Nguyễn Trãi để làm sáng tỏ nhận định trên.

Gợi ý

Sự kết hợp hài hoà giữa người anh hùng vĩ đại và con người đời thường trong Nguyễn Trãi được thể hiện rõ qua một số nội dung thơ văn:

- Tư tưởng nhân nghĩa, lí tưởng độc lập, tinh thần vì dân, vì nước thể hiện rõ qua Quân trung từ mệnh tập, nhất là Bình Ngô đại cáo.

- Tình yêu thiên nhiên, tình cảm gia đình, tình bạn, những tâm sự riêng trước thế sự được thể hiện qua nhiều bài thơ trongỨc Trai thi tập và Quốc âm thi tập như Dục Thúy sơn, các bài Bảo kính cảnh giới, các bài Thuật hoài, Ngôn hoài, Ngôn chí,...

LÀM VĂN

VIẾT BÀI LÀM VĂN SỐ 5: VĂN THUYẾT MINH (Bài làm ở nhà)

A. NHỮNG KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG CẦN NẮM VỮNG

1. Để làm tốt bài làm văn số 5, HS cần có tri thức về nội dung phải trình bày, thuyết minh. Muốn vậy, HS cần quan tâm tìm hiểu thực tế, đồng thời phải tạo cho mình hứng thú trình bày, biết đặt mình vào địa vị người đọc để có thể tự đánh giá bài làm của mình.

Vận dụng những kiến thức và kĩ năng làm văn thuyết minh ở cấp THCS để làm tốt bài viết, nhằm thuyết minh rõ ràng, chuẩn xác về một sự vật, sự việc, hiện tượng, con người...

Qua bài viết, HS thấy rõ hơn trình độ làm văn nhất là văn thuyết minh của bản thân để rút kinh nghiệm làm các bài sau đạt kết quả cao hơn.

2. Rèn luyện kĩ năng làm văn thuyết minh, kĩ năng sử dụng tiếng Việt trong dùng từ, đặt câu... để lời văn trong sáng, thu hút sự chú ý của người đọc (người nghe). Qua đây, HS cần có ý thức hơn trong việc rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích và miêu tả những sự vật, sự việc, hiện tượng, con người trong đời sống.

B. GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

Đề 1. Viết một bài văn thuyết minh về vai trò của cây cối (hoặc của rừng, của các loài động vật hoang dã, của nhiên liệu sạch,...) trong việc bảo vệ môi trường.

Gợi ý

HS có thể chọn một trong các đối tượng mà đề bài yêu cầu thuyết minh. Vấn đề bảo vệ môi trường đã và đang là mối quan tâm của toàn nhân loại nên dù chọn đối tượng nào để thuyết minh, người viết cũng phải hướng tới mục tiêu là vai trò của đối tượng ấy trong việc bảo vệ môi trường sống.

HS có thể tham khảo dàn ý sau đây cho bài thuyết minh về vai trò của cây cối trong việc bảo vệ môi trường sống:

Mở bài: Giới thiệu khái quát cây cối có tầm quan trọng nhất trong việc bảo vệ môi trường sống.

Thân bài: Lần lượt thuyết minh về các tính năng, tác dụng của cây cối trong việc bảo vệ môi trường sống như

- Cây cối cung cấp một lượng ôxi khổng lồ.
- Cây cối góp phần giữ cân bằng sinh thái.
- Cây cối góp phần chống xói lở, lũ lụt.
- Cây cối giữ độ ẩm cần thiết khi trời hạn v.v...

Bài viết cũng có thể đề cập tới tình trạng chặt phá rừng bừa bãi dẫn tới nguy cơ thiên tai ngày càng gia tăng, môi trường sống bị đe dọa...

Kết bài: Đánh giá tổng quát hoặc tuyên truyền việc trồng cây, bảo vệ cây, rừng.

Đề 2. Viết một bài thuyết minh về tác hại của ma túy (hoặc của rượu, thuốc lá,...) đối với đời sống của con người.

Gợi ý

Tệ nạn nghiện ma túy, rượu, thuốc lá đang ngày một gia tăng thậm chí xuất hiện ngày một nhiều trong nhà trường. Các phương tiện thông tin đại chúng không ngừng tuyên truyền về tác hại của nó. Nếu HS quan tâm thì không thiếu tư liệu để làm tốt bài thuyết minh.

HS có thể tham khảo dàn ý sau đây cho bài thuyết minh về tác hại của ma túy đối với đời sống của con người.

Mở bài: Giới thiệu khái quát ma túy là một hiểm họa của loài người.

Thân bài: Lần lượt thuyết minh về các mặt tác hại của ma túy đối với đời sống con người

- Nguồn gốc phát sinh ma túy.
- Các chất được gọi là ma túy.
- Những tác hại của ma túy đối với cuộc sống con người:
 - + Ma túy khiến người dùng nó mất khả năng làm chủ, thần kinh tê liệt...
 - + Ma túy gây tổn hại về kinh tế, suy kiệt về nội tạng...
 - + Ma túy là con đường chính dẫn tới lây nhiễm căn bệnh thế kỉ HIV.
- Tình hình nghiện ma túy hiện nay và những việc cần làm nhằm đẩy lùi tệ nạn này.

Kết bài: Nêu suy nghĩ của bản thân trước tác hại của ma túy và nhắc nhở mọi người hãy tránh xa.

Đề 3. Viết một bài văn thuyết minh về một kinh nghiệm học văn hoặc làm văn.

Gợi ý

- Bài viết này thuyết minh về một vấn đề của chính bản thân người viết. Vì vậy đòi hỏi người viết không chỉ chăm học, làm bài tốt mà còn thường xuyên chú ý tới việc đúc rút kinh nghiệm và khả năng thuyết minh lại những kinh nghiệm ấy cho người khác.

- Nếu là học văn thì có thể là kinh nghiệm đọc tác phẩm văn học có ghi chép tóm tắt, kinh nghiệm luyện viết câu văn, đoạn văn hay, kinh nghiệm tiếp thu bài trên lớp, kinh nghiệm rèn luyện quan sát, suy nghĩ, liên tưởng tưởng tượng để trau dồi đời sống tâm hồn...

- Nếu là kinh nghiệm làm văn thì có thể là việc đọc kĩ đề bài, việc lập đề cương, việc triển khai các ý, việc đọc và kiểm tra lại trước khi nộp bài...

TUẦN 18
ĐẠI CÁO BÌNH NGÔ
Nguyễn Trãi

A. NHỮNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG CẦN NẮM VỮNG

1. Bình Ngô đại cáo là bản anh hùng ca bất hủ của dân tộc Việt Nam, một "áng thiên cổ hùng văn", một bản tuyên ngôn độc lập vừa có giá trị lịch sử to lớn vừa có giá trị văn chương đặc sắc. Tác giả đã kết hợp một cách tài tình sức mạnh của lý lẽ và giá trị biểu cảm của hình tượng nghệ thuật.

Bình Ngô đại cáo do Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi soạn thảo vào mùa xuân năm 1428, khi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn hoàn toàn thắng lợi. Bài cáo được viết theo lối văn biền ngẫu, kết cấu chia làm bốn đoạn: nêu luận đề chính nghĩa; vạch tội ác kẻ thù; kể lại quá trình kháng chiến đi đến thắng lợi; tuyên bố hoà bình, khẳng định sự nghiệp chính nghĩa. Bài cáo nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, lòng yêu nước và ý thức tự tôn dân tộc. Đó là những yếu tố quyết định thắng lợi vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

Tác giả đã vận dụng một cách sáng tạo lối kết cấu chung của thể cáo, lấy tư tưởng nhân nghĩa và độc lập dân tộc làm cơ sở chân lý để triển khai lập luận. Mọi lí lẽ luôn gắn liền với thực tiễn bằng những dẫn chứng xác đáng. Tác giả đã kết hợp một cách tài tình sức mạnh của lý lẽ và giá trị biểu cảm của hình tượng nghệ thuật tạo nên một áng văn bất hủ.

2. Rèn luyện kĩ năng đọc - hiểu một tác phẩm thuộc thể loại văn chính luận cổ điển với những đặc trưng riêng của thể cáo.

B. GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

I. Hướng dẫn học bài

Bài tập 1. Tóm lược và nêu chủ đề của từng đoạn. Chủ đề của từng đoạn hướng vào chủ đề chung của bài cáo là nêu cao tư tưởng nhân nghĩa và tư tưởng độc lập dân tộc như thế nào?

Gợi ý

Ý chính của các đoạn như sau:

- Đoạn 1: Khẳng định tư tưởng nhân nghĩa và chân lý độc lập dân tộc của nước Đại Việt.

- Đoạn 2: Nêu cao lòng căm thù, tố cáo và lên án gay gắt tội ác của giặc Minh.

- Đoạn 3: Kể lại diễn biến của cuộc kháng chiến từ khi mở đầu hết sức khó khăn đến lúc thắng lợi hoàn toàn, nêu cao sức mạnh của tư tưởng nhân nghĩa và sức mạnh của lòng yêu nước kết tinh thành sức mạnh của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

- Đoạn 4: Lời tuyên bố hoà bình, khẳng định ý nghĩa của cuộc kháng chiến.

Bài tập 2. Tìm hiểu đoạn mở đầu (Từ "Từng nghe"... đến "...chúng có còn ghi")

- Có những chân lí nào được khẳng định để làm chỗ dựa, làm căn cứ xác đáng cho việc triển khai toàn bộ nội dung bài cáo?
- Vì sao đoạn mở đầu có ý nghĩa như lời tuyên ngôn độc lập?
- Tác giả đã có cách viết như thế nào để làm nổi bật niềm tự hào dân tộc?

Gợi ý

a. Nguyễn Trãi nêu nguyên lí chính nghĩa làm chỗ dựa, làm căn cứ xác đáng để triển khai toàn bộ nội dung bài cáo. Nguyên lí này có hai nội dung: tư tưởng nhân nghĩa và chân lí về sự tồn tại độc lập của nước Đại Việt.

b. Đoạn mở đầu có ý nghĩa như lời tuyên ngôn độc lập bởi vì sau khi nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, tác giả nói về sự tồn tại độc lập, chủ quyền của nước Đại Việt như một chân lí khách quan hiển nhiên, vốn có, lâu đời.

c. Để làm nổi bật niềm tự hào dân tộc, Nguyễn Trãi đã đưa ra những yếu tố căn bản để xác định độc lập, chủ quyền: cương vực lãnh thổ, phong tục tập quán, nền văn hiến lâu đời và đặc biệt đặt các triều đại phong kiến Việt Nam song song với các triều đại phong kiến Trung Quốc:

“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương”.

HS cần so sánh với bài thơ Nam quốc sơn hà của Lý Thường Kiệt (đặc biệt chú ý chữ "Nam đế") để thấy được ý thức tự tôn dân tộc đã trở thành truyền thống.

Bài tập 3. Tìm hiểu đoạn 2 (Từ "Vừa rồi...." đến "...Ai bảo thần dân chịu được")

- Tác giả đã tố cáo những âm mưu, những hành động tội ác nào của giặc Minh? Âm mưu nào là thâm độc nhất? Tội ác nào là man rợ nhất?
- Nghệ thuật của đoạn cáo trạng tội ác kẻ thù có gì đặc sắc?

Gợi ý

a. Nguyễn Trãi đã đứng trên lập trường dân tộc để vạch rõ âm mưu của giặc Minh và đứng trên lập trường nhân bản để tố cáo chủ trương cai trị thâm độc và tội ác của giặc. Đó là âm mưu cướp nước, là luận điệu "phù Trần, diệt Hồ" bịp bợm. Đó là tội "nướng dân đen", "vùi con đỏ", "nặng thuế khoá", "tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ"... đó là những âm mưu hiểm độc và những tội ác man rợ.

b. Nguyễn Trãi quả là một cây bút viết cáo trạng xuất sắc. Tác giả dùng hình tượng có sức khái quát cao:

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”.

Bằng cách này, Nguyễn Trãi như khắc vào trời đất và khắc vào lòng người lòng căm thù muôn đời, muôn kiếp. Cuối cùng, để kết thúc bản cáo trạng, tác giả viết một câu văn đầy hình tượng:

“Độc ác thay, trúc Nam sơn không ghi hết tội

Dơ bẩn thay, nước Đông hải không rửa hết mùi”.

Đây là nghệ thuật dùng “cái vô cùng” để nói về “cái vô cùng”.

Bài tập 4. Tìm hiểu đoạn 3 (Từ "Ta đây..." đến "...cũng là chưa thấy xưa nay")

a. Giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn được tác giả tái hiện như thế nào?

b. Khi tái hiện giai đoạn phản công thắng lợi, bài cáo miêu tả bức tranh toàn cảnh cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:

- Tác giả nhằm vào những loại trận ở mấy giai đoạn, mỗi loại có đặc điểm gì nổi bật?

- Phân tích những biện pháp nghệ thuật miêu tả thế chiến thắng của quân ta và sự thất bại của quân giặc.

- Phân tích tính chất hùng tráng của đoạn văn được gọi lên từ ngôn ngữ, hình ảnh, nhịp điệu câu văn.

Gợi ý

a. Giai đoạn đầu của cuộc khởi nghĩa được tác giả chủ yếu tập trung khắc hoạ hình tượng Lê Lợi. Chân dung vị chủ tướng hiện lên qua cách xưng danh khẳng khái (Ta đây: núi Lam Sơn đây nghĩa...), qua lòng căm thù giặc sâu sắc (Ngẫm thù lớn..., Căm giặc nước...), qua ý thức tự giác và nhiệt huyết cứu nước trở thành thường trực (Đau lòng nhức óc..., Ném mật nằm gai..., Quên ăn vì giận..., Ngẫm trước đến nay..., Chỉ bản khoán một nỗi đồ hồi...), qua thái độ cầu hiền (Tấm lòng cứu nước... còn dành phía tả), qua tinh thần khắc phục khó khăn (Khi Linh sơn... khắc phục gian nan), qua khả năng thu phục lòng người tạo nên sức mạnh đoàn kết quân dân (Nhân dân bốn cõi... chén rượu ngọt ngào), đặc biệt là mưu lược tài giỏi (Thế trận xuất kì... lấy ít địch nhiều)... Tác giả đã sử dụng những từ ngữ, điển cố, hình ảnh có sức biểu đạt lớn để dựng lên chân dung đầu đủ của người anh hùng dân tộc Lê Lợi khiến cho người đọc tự hào, ngưỡng mộ, cảm phục.

Sức mạnh giúp quân ta chiến thắng chính là sức mạnh đoàn kết toàn dân. Nguyễn Trãi trong bản tuyên ngôn độc lập này đã đề cao vai trò và sức mạnh của nhân dân.

b. Với giọng văn tung hoành, cuộn cuộn khí thế như một bản anh hùng ca chiến thắng, và với những hình ảnh so sánh tương phản độc đáo, tác giả đã miêu tả thành công khí thế chiến thắng của quân ta và sự thất bại thảm hại của giặc Minh. So sánh:

Nghĩa quân Lam Sơn > <Quân Minh

- Sấm vang chớp giạt; trúc chẻ tro bay; thừa thắng ruổi dài...

- Đưa lưỡi dao tung phá; bốn mặt vây thành; người hùng hổ; kẻ vuốt nanh; gươm mài đá; voi uống nước; sạch không kinh ngạc;; tan tác chim muông; con gió to; tổ kiến hồng..

- Nghe hơi mà mắt vía; nín thở cầu thoát thân; máu chảy thành sông thấy chất đầy nội...

- Lê gôi dâng tờ tạ tội; trối tay tự xin hàng; thấy chất đầy đường; máu trôi đỏ nước; máu chảy trôi chày; thấy chất thành núi; cỏ nội đầm đìa máu đen...

Đó là những hình ảnh "thể hiện qui mô vũ trụ, không lồ của sức mạnh chính nghĩa" (Trần Đình Sử). Bên cạnh việc sử dụng hình ảnh ẩn dụ, so sánh, tương phản, tác giả còn sử dụng nghệ thuật liệt kê, trùng điệp, câu văn, nhịp điệu dài ngắn đan xen, sự biến hoá linh hoạt, tài tình tạo nên âm hưởng vừa hào hùng vừa mạnh mẽ vừa gợi cảm tráng ca vừa khắc hoạ khí thế rung trời, chuyển đất của nghĩa quân, vừa khắc hoạ sự tan tác tơi bời của quân giặc.

- Từ hình tượng đến ngôn từ, từ màu sắc đến âm thanh, nhịp điệu, tất cả đều mang đậm tính chất anh hùng ca. Những hình tượng phong phú, đa dạng được đo bằng sự rộng lớn, kì vĩ của thiên nhiên. Câu văn khi ngắn, khi dài biến hoá linh hoạt mà nhạc điệu chung là dồn dập, sáng khoái, bay bổng. Đó là nhịp của triều dâng, sóng dậy, hết lớp này đến lớp khác.

Bài tập 5. Tìm hiểu đoạn kết (Từ "Xã tắc từ đây...." đến "... Ai nấy đều hay")

a. Giọng văn có gì khác với những đoạn trên?

b. Theo anh (chị) có những bài học lịch sử nào? Ý nghĩa lịch sử đối với chúng ta ngày nay?

Gợi ý

- Giọng văn trịnh trọng phù hợp với lời tuyên bố độc lập.

- Bài học lịch sử: có được chiến công, có nền độc lập là bởi "nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng ngầm giúp đỡ"... Bài học lịch sử này có ý nghĩa rất lớn đối với mọi người và mọi thời, nhất là những người được sống trong hoà bình, độc lập.

Bài tập 6. Rút ra những giá trị chung về nội dung và nghệ thuật của Bình Ngô đại cáo.

Gợi ý

1. Giá trị nội dung: Bình Ngô đại cáo nêu cao tư tưởng nhân nghĩa, lòng yêu nước và ý thức tự tôn dân tộc. Đó là những yếu tố quyết định thắng lợi vẻ vang của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

2. Giá trị nghệ thuật: Tác giả đã vận dụng một cách sáng tạo lối kết cấu chung của thể cáo, lấy tư tưởng nhân nghĩa và độc lập dân tộc làm cơ sở chân lí để triển khai lập luận. Mọi lí lẽ luôn gắn liền với thực tiễn bằng những dẫn

chứng xác đáng. Tác giả đã kết hợp một cách tài tình sức mạnh của lý lẽ và giá trị biểu cảm của hình tượng nghệ thuật tạo nên một áng văn bất hủ.

Bình Ngô đại cáo là bản anh hùng ca bất hủ của dân tộc Việt Nam, một "áng thiên cổ hùng văn", một bản tuyên ngôn độc lập vừa có giá trị lịch sử to lớn vừa có giá trị văn chương đặc sắc. mà ở đó tác giả đã kết hợp một cách tài tình sức mạnh của lý lẽ và giá trị biểu cảm của hình tượng nghệ thuật.

II. Luyện tập

Lập sơ đồ kết cấu của Bình Ngô đại cáo và phân tích tác dụng của nghệ thuật kết cấu đó.

Gợi ý

Bình Ngô đại cáo là một áng văn chính luận có sự kết hợp hài hoà giữa yếu tố chính luận và yếu tố nghệ thuật. Kết cấu của bài cáo rất chặt chẽ thể hiện tính chính luận và sự kết hợp chính luận - nghệ thuật. Có thể lập sơ đồ kết cấu theo nội dung văn bản:

Lập sơ đồ kết cấu sao cho thấy tính chính luận mẫu mực của một áng văn chính luận. Trước hết nêu lên tiền đề chính nghĩa có tính chân lí làm cơ sở vững chắc cho lập luận. Trên cơ sở ấy, tác giả đem tiền đề lí luận soi sáng vào thực tiễn để chứng minh tính đúng đắn của nó. Cuối cùng là kết luận được rút ra từ thực tiễn. Đó là lời kết luận phải đối bằng xương máu nên vô cùng thấm thía. Bài học được rút ra có giá trị to lớn và sâu sắc.

LÀM VĂN

TÍNH CHUẨN XÁC HẤP DẪN CỦA VĂN BẢN THUYẾT MINH

A. NHỮNG KIẾN THỨC VÀ KĨ NĂNG CẦN NẮM VỮNG

1. Văn bản thuyết minh nhằm cung cấp những tri thức về sự vật khách quan. Vì vậy bài viết (bài nói) cần chuẩn xác. Chuẩn xác là yêu cầu đầu tiên và cũng là yêu cầu quan trọng nhất đối với văn bản thuyết minh. Muốn chuẩn xác cần chú ý tìm hiểu thấu đáo trước khi viết; thu thập tài liệu tham khảo, chú ý đến thời điểm xuất bản của các tài liệu để có thể cập nhật những tìm tòi phát kiến mới cũng như thấy được những thay đổi thường có.

Thuyết minh bao giờ cũng có người đọc (người nghe). Bài viết vì thế cần tạo được hấp dẫn. Muốn làm cho văn bản hấp dẫn cần đưa ra những chi tiết cụ thể, sinh động, những con số chính xác; so sánh để làm nổi bật sự khác biệt, khắc sâu vào trí nhớ người đọc (người nghe); làm cho câu văn thuyết minh biến hoá linh hoạt; khi cần nên phối hợp nhiều loại kiến thức để đối tượng thuyết minh được soi rọi từ nhiều mặt.

2. Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức để bước đầu viết những văn bản thuyết minh có tính chuẩn xác và hấp dẫn.

B. GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI, BÀI TẬP

I. Bài luyện tập về tính chuẩn xác trong văn bản thuyết minh

Trả lời các câu hỏi để kiểm tra tính chuẩn xác của văn bản thuyết minh (Nội dung câu hỏi, xem SGK).

Gợi ý

a. Muốn biết lời thuyết minh về chương trình học có chuẩn xác hay không chỉ cần đối chiếu với mục lục sách Ngữ văn 10. Sau khi đối chiếu sẽ thấy lời thuyết minh không chuẩn xác vì:

- Chương trình Ngữ văn 10 không phải chỉ có văn học dân gian.
- Chương trình Ngữ văn 10 về văn học dân gian không phải chỉ có ca dao, tục ngữ.
- Chương trình Ngữ văn 10 không có câu đố.

b. Câu nêu ra trong SGK chưa chuẩn xác vì không phù hợp với ý nghĩa thực của những từ "thiên cổ hùng văn". "Thiên cổ hùng văn" là áng hùng văn của nghìn đời chứ không phải áng hùng văn viết trước đây một nghìn năm.

c. Văn bản dẫn trong bài tập không thể dùng để thuyết minh về nhà thơ Nguyễn Bình Khiêm vì nội dung không nói đến Nguyễn Bình Khiêm với tư cách nhà thơ.

II. Bài luyện tập về tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh

Bài tập 1. Đọc đoạn văn (SGK) và phân tích luận điểm: "Nếu bị tước đi môi trường kích thích, bộ não của đứa trẻ sẽ phải chịu đựng kìm hãm" trở nên cụ thể, dễ hiểu, hấp dẫn.

Gợi ý

"Nếu bị tước đi môi trường kích thích, bộ não của đứa trẻ sẽ phải chịu đựng kìm hãm" là một luận điểm khái quát. Tác giả đã đưa ra hàng loạt những chi tiết cụ thể về bộ não của đứa trẻ ít được chơi đùa, ít được tiếp xúc và bộ não của con chuột bị nhốt trong hộp rỗng,... để làm sáng tỏ luận điểm. Luận điểm khái quát đã trở nên cụ thể, dễ hiểu. Vì vậy việc thuyết minh trở nên hấp dẫn, sinh động.

Bài tập 2. Đọc đoạn trích (SGK) và phân tích tác dụng tạo hứng thú của việc kể lại truyền thuyết về hòn đảo An Mạ.

Gợi ý

Việc biết sự tích vua Lê trả kiếm cho Rùa thần tạo nên sự thích thú cho mọi người khi đứng trước Hồ Gươm. Chúng ta không chỉ thấy phong cảnh một Hồ Gươm trước mặt mà còn thấy một Hồ Gươm trong quá khứ, từ đó hiểu sâu về lịch sử, văn hoá, về đời sống tâm linh của dân tộc. Chính vì thế mà khi tham quan một thắng cảnh, một di tích nào ta cũng muốn biết những sự tích liên quan đến thắng cảnh, di tích ấy. Bài thuyết minh về Hồ Ba Bể đã trở nên hấp dẫn hơn khi tác giả nói đến những sự tích, những truyền thuyết giúp ta như trở về một thuở xa xưa thần tiên, kì ảo. Ngắm phong cảnh với những cảm xúc như thế, tâm hồn ta sẽ giàu có hơn, sâu sắc hơn.

III. Bài luyện tập chung

Đọc đoạn trích tác phẩm “Miếng ngon Hà Nội” của nhà văn Vũ Bằng (SGK) và phân tích tính hấp dẫn của nó.

Gợi ý

Đoạn văn thuyết minh của nhà văn Vũ Bằng hấp dẫn, sinh động vì:

- Tác giả sử dụng linh hoạt các kiểu câu: câu đơn, câu ghép, câu nghi vấn, câu cảm thán, câu khẳng định.
- Tác giả sử dụng những từ ngữ giàu hình tượng, giàu liên tưởng như: "Bó hành hoa xanh như lá mạ", "... một làn sương mỏng, mơ hồ như một bức tranh tàu vẽ những ông tiên ngồi đánh cờ ở trong rừng mùa thu",...
- Tác giả bộc lộ rất nhiều cảm xúc: "Trông mà thèm quá", "Có ai lại dừng vào ăn cho được",...